VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/

PROSPECTS FOR COLLABORATION BETWEEN FRENCH LANGUAGE LECTURERS AND SPECIALIZED SUBJECT LECTURERS IN TEACHING BUSINESS FRENCH AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY

Do Thi Thu Giang*

Foreign Trade University, No. 91 Chua Lang Street, Lang Ward, Hanoi, Vietnam

Received 26 February 2026
Revised 27 May 2026; Accepted 23 October 2026

Abstract: At Foreign Trade University, Business French is currently taught in several academic programmes. However, although the university has a pool of specialized subject lecturers trained in Francophone countries and proficient in French, these courses are still taught primarily by French language lecturers. Against this background and drawing on the theoretical framework of French for Specific Purposes (FSP), this study aims to examine the prospects and implementation conditions of a pedagogical collaboration model between French language lecturers and specialized subject lecturers. The research adopts a mixed-methods approach, combining quantitative and qualitative data collected through online surveys administered to French language lecturers, specialized subject lecturers, and French-major students at the university. The findings indicate that: (1) students express a strong demand for Business French courses involving specialized subject lecturers; (2) specialized subject lecturers are generally willing to participate in teaching provided that appropriate institutional support is available; and (3) the main barriers relate to time constraints, coordination mechanisms, and language support. Based on these findings, the paper proposes several directions for fostering pedagogical collaboration in Business French teaching at Foreign Trade University.

Keywords: French for Specific Purposes, professional discourse, pedagogical collaboration, co-teaching

* Corresponding author.
Email address: thugiang.fr@ftu.edu.vn
https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5765

TRIỂN VỌNG HỢP TÁC GIỮA GIẢNG VIÊN TIẾNG PHÁP VÀ GIẢNG VIÊN CHUYÊN NGÀNH TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Đỗ Thị Thu Giang

Trường Đại học Ngoại thương, Số 91 Chùa Láng, Phường Láng, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 26 tháng 02 năm 2026
Chỉnh sửa ngày 27 tháng 5 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 10 năm 2026

Tóm tắt: Tại Trường Đại học Ngoại thương, tiếng Pháp thương mại hiện được triển khai giảng dạy trong một số chương trình đào tạo. Tuy nhiên, mặc dù có đội ngũ giảng viên chuyên ngành được đào tạo tại các nước Pháp ngữ và có năng lực sử dụng tiếng Pháp, các học phần này vẫn chủ yếu do giảng viên tiếng Pháp đảm nhiệm. Xuất phát từ thực trạng đó và dựa trên cơ sở lý luận về giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành, nghiên cứu nhằm phân tích triển vọng và điều kiện triển khai mô hình hợp tác sư phạm giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành. Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp định lượng và định tính thông qua khảo sát trực tuyến đối với giảng viên tiếng Pháp, giảng viên chuyên ngành và sinh viên Pháp ngữ Trường Đại học Ngoại thương. Kết quả cho thấy: (1) sinh viên có nhu cầu cao được học các học phần tiếng Pháp thương mại với sự tham gia của giảng viên chuyên ngành; (2) giảng viên chuyên ngành sẵn sàng tham gia giảng dạy nếu có cơ chế phù hợp; (3) các rào cản chủ yếu liên quan đến thời gian, cơ chế phối hợp và hỗ trợ ngôn ngữ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm thúc đẩy hợp tác sư phạm trong giảng dạy tiếng Pháp thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương.

Từ khóa: tiếng Pháp chuyên ngành, diễn ngôn nghề nghiệp, hợp tác sư phạm, đồng giảng

1. Tổng quan về nghiên cứu

1.1. Lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu

Tại Trường Đại học Ngoại thương (ĐHNT), tiếng Pháp thương mại (TPTM) giữ vai trò quan trọng trong các chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp cũng như trong một số chuyên ngành kinh tế có giảng dạy tiếng Pháp. Nhà trường sở hữu đội ngũ giảng viên chuyên ngành tương đối đông đảo, trong đó, nhiều người được đào tạo tại các quốc gia Pháp ngữ như Pháp, Bỉ hoặc Canada và có năng lực sử dụng tiếng Pháp trong môi trường học thuật và chuyên môn.

Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai chương trình đào tạo, các học phần TPTM hiện vẫn chủ yếu do giảng viên tiếng Pháp đảm nhiệm, chưa có cơ chế phối hợp chính thức với giảng viên chuyên ngành. Điều này cho thấy mức độ gắn kết giữa đào tạo ngôn ngữ và đào tạo chuyên môn chưa được khai thác một cách tối ưu.

Trong khi đó, cách tiếp cận lý luận về tiếng Pháp chuyên ngành nhấn mạnh vai trò trung tâm của diễn ngôn nghề nghiệp và tri thức chuyên môn trong thiết kế chương trình đào tạo. Sự tham gia của giảng viên chuyên ngành, do đó, có thể góp phần tăng cường tính xác thực và tính thực tiễn của nội dung giảng dạy.

Từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu triển vọng và các điều kiện triển khai cơ chế hợp tác sư phạm giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành tại ĐHNT trở nên cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy TPTM.

1.2. Câu hỏi nghiên cứu

Xuất phát từ bối cảnh trên, nghiên cứu này được định hướng bởi ba câu hỏi chính sau:

1. Thực trạng năng lực, mức độ sẵn sàng và nhận thức của giảng viên chuyên ngành đối với việc tham gia hợp tác sư phạm trong giảng dạy TPTM tại ĐHNT hiện nay như thế nào?

2. Những hình thức và nội dung hợp tác nào giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành có thể được triển khai phù hợp với nhu cầu đào tạo?

3. Những rào cản và điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả mô hình hợp tác sư phạm liên ngành trong giảng dạy TPTM tại ĐHNT là gì?

1.3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở các câu hỏi trên, nghiên cứu hướng tới mục tiêu tổng quát là phân tích triển vọng và điều kiện triển khai mô hình hợp tác sư phạm giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành trong giảng dạy TPTM tại ĐHNT. Cụ thể, nghiên cứu khảo sát nhận thức và mức độ sẵn sàng của các bên liên quan, xác định những hình thức hợp tác khả thi, nhận diện các rào cản và đề xuất định hướng triển khai phù hợp với bối cảnh đào tạo.

1.4. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, nghiên cứu giới hạn trong việc phân tích thực trạng và khả năng hợp tác sư phạm trong giảng dạy các học phần TPTM thuộc chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp hoặc ngành Kinh tế có giảng dạy tiếng Pháp tại ĐHNT.

Về đối tượng khảo sát, nghiên cứu khảo sát ý kiến của ba nhóm sau:

- 11 giảng viên tiếng Pháp (toàn bộ đội ngũ giảng viên đang giảng dạy tại ĐHNT);

- 17 giảng viên chuyên ngành có khả năng sử dụng tiếng Pháp (trên tổng số khoảng 20 người tại ĐHNT);

- 61 sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 theo học các chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại, Kinh tế đối ngoại và Kinh tế quốc tế trong năm học 2024–2025 tại ĐHNT.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng mô tả – phân tích, thông qua sử dụng kết hợp phương pháp định lượng và định tính nhằm khảo sát nhận thức, mức độ sẵn sàng và các điều kiện triển khai hợp tác giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành trong giảng dạy TPTM tại ĐHNT.

Để bảo đảm tính rõ ràng về phương pháp luận, phần thiết kế nghiên cứu, công cụ khảo sát và quy trình xử lý dữ liệu sẽ được trình bày cụ thể ở mục 3.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Tiếng Pháp chuyên ngành và tiếp cận diễn ngôn chuyên ngành

Thuật ngữ "tiếng Pháp chuyên ngành" (français de spécialité/français langue de spécialité) xuất hiện từ thập niên 1960, kế thừa khái niệm "tiếng Pháp khoa học và kỹ thuật" trong bối cảnh các lĩnh vực giao tiếp chuyên biệt ngày càng phát triển. Ban đầu, cách tiếp cận này đặt trọng tâm vào việc lựa chọn có chủ đích các yếu tố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp phù hợp với từng lĩnh vực chuyên môn.

Tuy nhiên, khái niệm "ngôn ngữ chuyên ngành" nhanh chóng trở thành đối tượng tranh luận. Một số tác giả như Kocourek (1991) coi đây là một "ngôn ngữ phụ" có đặc điểm từ vựng

riêng biệt. Ngược lại, Lerat (1995) cho rằng không tồn tại một hệ thống ngôn ngữ độc lập cho từng ngành nghề, mà chỉ có cách sử dụng chuyên biệt của ngôn ngữ tự nhiên trong những bối cảnh nghề nghiệp xác định. Cabré (1998) tổng hợp các quan điểm này và nhấn mạnh rằng ngôn ngữ chuyên ngành cần được hiểu như một tập hợp con mang tính thực hành của ngôn ngữ phổ thông, gắn với những bối cảnh giao tiếp cụ thể.

Từ cuối những năm 1980, cách tiếp cận chức năng và giao tiếp dần chiếm ưu thế. Trọng tâm của giảng dạy không còn là truyền đạt thuật ngữ kỹ thuật, mà là giúp người học làm chủ việc thực hành ngôn ngữ trong môi trường chuyên môn. Chính trong bối cảnh này, khái niệm "diễn ngôn chuyên ngành" (discours spécialisé) trở nên phù hợp hơn, vì nó đặt ngôn ngữ trong mối quan hệ chặt chẽ với bối cảnh, mục đích và hành động nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, cần phân biệt ba khái niệm có mối liên hệ gần gũi: tiếng Pháp chuyên ngành (Français de spécialité - FS), tiếng Pháp theo mục tiêu chuyên biệt (Français sur Objectif Spécifique - FOS) và tiếng Pháp ngôn ngữ chuyên ngành (Français langue professionnelle - FLP). Nếu FS thường hướng tới sinh viên trong các chương trình đào tạo dài hạn, FOS đáp ứng nhu cầu cụ thể và ngắn hạn của một tổ chức hoặc doanh nghiệp, thì FLP hướng tới người đang hành nghề, sử dụng tiếng Pháp trong toàn bộ hoạt động nghề nghiệp (Mangiante & Parpette, 2004; Mourlhon-Dallies, 2008).

Trong khuôn khổ giảng dạy TPTM tại ĐHNT, thuật ngữ "tiếng Pháp chuyên ngành" được lựa chọn nhằm phản ánh một cách tiếp cận toàn diện, dài hạn và gắn với bối cảnh đào tạo đại học, trong đó, ngôn ngữ được tích hợp với nội dung chuyên môn kinh tế - thương mại.

2.2. Diễn ngôn nghề nghiệp và cách tiếp cận hành động

Diễn ngôn nghề nghiệp được hiểu là các thực hành ngôn ngữ (nói hoặc viết) được sản sinh trong một bối cảnh nghề nghiệp xác định, nhằm thực hiện những mục tiêu cụ thể như: thông tin, thuyết phục, đánh giá hoặc ra quyết định. Các diễn ngôn này không thể tách rời khỏi bối cảnh xã hội, văn hóa và thể chế cụ thể.

Moirand và Tréguer-Felten (2007) nhấn mạnh rằng điều quan trọng không chỉ là vốn từ chuyên môn, mà là cách các từ ngữ đó tạo nghĩa trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Từ góc nhìn này, công việc không đơn thuần là bối cảnh sản sinh ngôn ngữ, mà là một hoạt động được thực hiện thông qua lời nói và diễn đạt viết. Diễn ngôn vì thế trở thành công cụ hành động.

Sự chuyển dịch này kéo theo thay đổi trong giáo học pháp: mục tiêu không còn là "nói về công việc", mà là "làm việc thông qua ngôn ngữ". Cách tiếp cận hành động (perspective actionnelle) nhấn mạnh việc đặt người học vào các nhiệm vụ phức hợp, gắn với tình huống nghề nghiệp thực tế (Bourguignon, 2009). Người học được yêu cầu huy động đồng thời năng lực ngôn ngữ và hiểu biết chuyên môn để giải quyết vấn đề. Trong bối cảnh đó, mặc dù ra đời chưa lâu, đường hướng hành động đã nhanh chóng trở thành một xu hướng quan trọng trong giảng dạy ngoại ngữ, có ảnh hưởng sâu rộng không chỉ tại châu Âu mà còn trên phạm vi toàn cầu (Nguyen, 2018).

Trong giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành, diễn ngôn nghề nghiệp giữ ba vai trò cơ bản: (1) đối tượng học tập - giúp người học nhận diện và sản sinh các thể loại diễn ngôn chuyên môn; (2) phương tiện hội nhập - hỗ trợ người học tiếp cận chuẩn mực và giá trị của cộng đồng nghề nghiệp; (3) công cụ hành động - cho phép chuyển giao năng lực từ lớp học sang môi trường làm việc.

Như vậy, diễn ngôn chuyên ngành trở thành trung tâm phương pháp luận của giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành.

2.3. Vai trò của chuyên gia trong giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành

Nếu mục tiêu của tiếng Pháp chuyên ngành là giúp người học làm chủ các thực hành diễn ngôn nghề nghiệp thực tiễn, thì sự tham gia của chuyên gia trở thành một định hướng sư phạm quan trọng.

Nhiều nghiên cứu về EMI (*English-Medium Instruction - Giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh*) và CLIL (*Content and Language Integrated Learning - Dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ*) cho thấy sự hợp tác giữa giảng viên ngôn ngữ và giảng viên chuyên ngành góp phần hỗ trợ việc tích hợp nội dung chuyên môn với đào tạo ngôn ngữ học thuật. Các hình thức phối hợp như: đồng giảng, hỗ trợ ngôn ngữ song song hoặc thiết kế học liệu chung được xem là những giải pháp giúp tăng tính xác thực của hoạt động học tập và hỗ trợ người học tiếp cận diễn ngôn chuyên ngành hiệu quả hơn (Malmström & Zhou, 2026). Mourlhon-Dallies (2008), Carras và cộng sự (2007) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác với các chủ thể trong môi trường nghề nghiệp nhằm tiếp cận tài liệu và tình huống thực tiễn.

Sự tham gia của chuyên gia có thể diễn ra ở nhiều cấp độ:

- Thẩm định và xây dựng học liệu;
- Đồng tổ chức hoặc đồng giảng dạy các học phần;
- Tham gia đánh giá trong các hoạt động mô phỏng;
- Hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên ngôn ngữ.

Cách tiếp cận này dựa trên logic đồng kiến tạo sư phạm (co-construction pédagogique), trong đó, chương trình đào tạo được xây dựng từ sự bổ trợ giữa tri thức ngôn ngữ và tri thức chuyên môn. Mục tiêu là thiết kế các kịch bản học tập gắn với hành động có ý nghĩa thực tiễn và phù hợp với bối cảnh nghề nghiệp tương lai của người học.

Tại Việt Nam, các thử nghiệm áp dụng đường hướng hành động trong giảng dạy tiếng Pháp ở bậc đại học đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trên nhiều bình diện như nội dung học tập, phương pháp sư phạm và thiết kế học liệu, qua đó góp phần nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực giao tiếp tiếng Pháp chuyên ngành cho người học (Do, 2024, tr. 93). Những kết quả này càng củng cố giả định rằng việc tích hợp chuyên môn và ngôn ngữ thông qua các hình thức hợp tác sư phạm là hướng tiếp cận có nhiều triển vọng trong bối cảnh đào tạo đại học tại Việt Nam.

2.4. Hợp tác giữa giảng viên ngôn ngữ và giảng viên chuyên ngành trong đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành

Trong đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành, hợp tác giữa giảng viên ngôn ngữ và giảng viên chuyên ngành góp phần bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu ngôn ngữ và nội dung chuyên môn. Dudley-Evans và St John (1998) nhấn mạnh vai trò hỗ trợ của chuyên gia đối với giảng viên ngoại ngữ chuyên ngành, trong khi Coyle và cộng sự (2010) đề cao sự phối hợp giữa hai nhóm trong dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ. Các nghiên cứu gần đây cũng ghi nhận triển vọng của mô hình đồng giảng trong việc tăng tính xác thực của hoạt động học tập và phát triển năng lực chuyên môn, ngôn ngữ của người học (Airey, 2020; Malmström & Zhou, 2026).

Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào tiếng Anh chuyên ngành và môi trường EMI. Trong lĩnh vực tiếng Pháp chuyên ngành tại Việt Nam, những nghiên cứu khảo sát có hệ thống về mức độ sẵn sàng, rào cản và điều kiện triển khai hợp tác sư phạm giữa hai nhóm giảng viên trong đào tạo đại học vẫn còn hạn chế.

2.5. Vận dụng khung lí luận trong nghiên cứu

Từ các phân tích lý luận nêu trên, nghiên cứu này được xây dựng trên ba định hướng

phương pháp luận chủ đạo:

- Thứ nhất, giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành cần đặt diễn ngôn nghề nghiệp ở vị trí trung tâm, thay vì chỉ tập trung vào việc truyền đạt thuật ngữ chuyên môn. Điều này đòi hỏi các hoạt động đào tạo phải gắn với những tình huống giao tiếp nghề nghiệp thực tiễn và các nhiệm vụ mang tính hành động.

- Thứ hai, việc tích hợp nội dung chuyên môn với đào tạo ngôn ngữ được xem là điều kiện quan trọng nhằm bảo đảm tính xác thực của các hoạt động học tập và tăng cường sự gắn kết giữa năng lực ngôn ngữ với năng lực nghề nghiệp của người học.

- Thứ ba, hợp tác giữa giảng viên ngôn ngữ và giảng viên chuyên ngành được xem như một cơ chế sư phạm quan trọng để hiện thực hóa cách tiếp cận hành động trong đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành. Sự phối hợp này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nội dung chuyên môn mà còn hỗ trợ người học phát triển đồng thời năng lực giao tiếp học thuật và năng lực nghề nghiệp.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung khảo sát nhận thức, mức độ sẵn sàng, các rào cản và điều kiện triển khai mô hình hợp tác giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành tại ĐHNT. Khung lý luận nói trên là cơ sở để xây dựng công cụ khảo sát, phân tích dữ liệu và đề xuất mô hình hợp tác sư phạm phù hợp.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng mô tả – phân tích, thông qua sử dụng kết hợp phương pháp định lượng và định tính nhằm khảo sát triển vọng và điều kiện triển khai hợp tác giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành trong giảng dạy TPTM tại ĐHNT.

Cách tiếp cận hỗn hợp (mixed methods) được lựa chọn nhằm thu thập dữ liệu định lượng về nhận thức và mức độ sẵn sàng của người tham gia khảo sát, đồng thời khai thác các ý kiến mở để làm rõ hơn những kỳ vọng, lo ngại và điều kiện triển khai hợp tác sư phạm.

Nghiên cứu mang tính khảo sát thăm dò (exploratory study), tập trung vào việc phân tích nhận thức và điều kiện triển khai hơn là kiểm chứng thực nghiệm hiệu quả của mô hình hợp tác.

3.2. Đối tượng khảo sát

Khảo sát được tiến hành từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2025 với ba nhóm đối tượng:

- Toàn bộ 11 giảng viên tiếng Pháp thuộc Khoa Tiếng Pháp, ĐHNT;

- 17 giảng viên chuyên ngành (trên tổng số khoảng 20) của ĐHNT thuộc các lĩnh vực: kinh tế, marketing, tài chính, logistics và luật có khả năng sử dụng tiếng Pháp;

- 61 sinh viên năm thứ 3 và thứ 4 thuộc chương trình TPTM hoặc các chương trình kinh tế có học tiếng Pháp chuyên ngành. Việc lựa chọn sinh viên năm thứ 3 và thứ 4 nhằm bảo đảm người tham gia đã hoàn thành phần lớn các học phần tiếng Pháp chuyên ngành, từ đó có khả năng đánh giá tương đối đầy đủ về chương trình đào tạo.

3.3. Công cụ khảo sát và quy trình xây dựng bảng hỏi

Dữ liệu được thu thập thông qua ba bảng hỏi trực tuyến trên Google Forms, thiết kế riêng cho giảng viên tiếng Pháp, giảng viên chuyên ngành và sinh viên. Các bảng hỏi được xây dựng dựa trên khung lý luận về tiếng Pháp chuyên ngành, diễn ngôn nghề nghiệp, đường hướng hành động, các nghiên cứu về hợp tác sư phạm và bối cảnh đào tạo tại ĐHNT.

Mỗi bảng hỏi gồm hai phần: thông tin chung về người tham gia và nội dung khảo sát.

Phần nội dung tập trung vào năng lực, mức độ sẵn sàng, nhận thức về hợp tác sư phạm, các nội dung có thể giảng dạy bằng tiếng Pháp, lợi ích, khó khăn và điều kiện triển khai.

Các bảng hỏi kết hợp câu hỏi lựa chọn một hoặc nhiều phương án, câu hỏi tự đánh giá và câu hỏi mở nhằm thu thập dữ liệu định lượng và định tính. Do tính chất thăm dò của nghiên cứu, các câu hỏi chủ yếu mang tính phân loại và tự đánh giá, không sử dụng thang đo tâm trắc học chuẩn hóa. Trước khi triển khai, các bảng hỏi được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với từng nhóm đối tượng và mục tiêu nghiên cứu.

3.4. Thu thập và xử lý dữ liệu

Dữ liệu định lượng được xử lý theo phương pháp thống kê mô tả, bao gồm: tần suất, tỷ lệ phần trăm và biểu đồ minh họa nhằm nhận diện các xu hướng chính trong nhận thức và đánh giá của người tham gia khảo sát.

Dữ liệu định tính từ các câu hỏi mở được xử lý theo hướng phân tích chủ đề (thematic analysis). Các ý kiến mở được đọc, phân loại và mã hóa theo các nhóm chủ đề chính như: nhận thức về vai trò của hợp tác liên ngành, lợi ích của mô hình hợp tác sư phạm, khó khăn về tổ chức và ngôn ngữ, cũng như các điều kiện cần thiết để triển khai hợp tác.

Một số phát biểu tiêu biểu của người tham gia khảo sát được lựa chọn nhằm minh họa và làm rõ các kết quả phân tích.

Ngoài các dữ liệu khảo sát, nghiên cứu cũng tham chiếu đến kinh nghiệm giảng dạy TPTM của tác giả tại ĐHNT nhằm bổ sung góc nhìn thực tiễn trong quá trình diễn giải kết quả.

3.5. Giới hạn của nghiên cứu

Nghiên cứu mang tính khảo sát thăm dò và được triển khai trong bối cảnh cụ thể của ĐHNT. Dữ liệu chủ yếu dựa trên tự khai báo (self-reported data), do đó có thể chịu ảnh hưởng của yếu tố chủ quan hoặc xu hướng trả lời tích cực của người tham gia khảo sát.

Ngoài ra, nghiên cứu chưa triển khai thực nghiệm mô hình đồng giảng trong thực tế, nên các kết luận chủ yếu phản ánh triển vọng và điều kiện triển khai hợp tác hơn là hiệu quả thực nghiệm của mô hình.

Do tính chất thăm dò của nghiên cứu và số lượng biến quan sát còn hạn chế, nghiên cứu chưa tiến hành kiểm định độ tin cậy thang đo bằng Cronbach’s alpha. Đây cũng là hướng cần được tiếp tục phát triển trong các nghiên cứu tiếp theo với mẫu khảo sát lớn hơn và hệ thống biến quan sát chi tiết hơn.

4. Giảng dạy tiếng Pháp thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương: Bối cảnh và vấn đề đặt ra

4.1. Vị trí của tiếng Pháp thương mại trong chương trình đào tạo

Trường Đại học Ngoại thương (ĐHNT) thành lập năm 1960, là một trong những cơ sở đào tạo hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế và thương mại quốc tế. Ngay từ khi thành lập, tiếng Pháp đã được đưa vào giảng dạy như một trong năm ngoại ngữ chính của nhà trường.

Năm 2007, chương trình đào tạo cử nhân TPTM ra đời, đánh dấu việc thể chế hóa đào tạo tiếng Pháp chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế thương mại. Hiện nay, trong tổng số 146 tín chỉ của chương trình cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp, 30 tín chỉ (tương đương 10 học phần) dành riêng cho tiếng Pháp chuyên ngành (Bảng 1).

Bảng 1

Các học phần tiếng Pháp chuyên ngành trong chương trình đào tạo TPTM

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kiến thức cơ bản về kinh tế	3
2	Marketing quốc tế	3
3	Ngân hàng – tài chính	3
4	Thư tín thương mại	3
5	Đàm phán thương mại	3
6	Quản lý bán hàng	3
7	Luật thương mại	3
8	Phiên – dịch kinh tế và thương mại 1	3
9	Phiên – dịch kinh tế và thương mại 2	3
10	Học phần tự chọn: Du lịch/Truyền thông/Hội nhập nghề nghiệp	3

(Theo chương trình đào tạo Tiếng Pháp thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, 2024)

Như vậy, các học phần TPTM giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo, không chỉ như một ngoại ngữ bổ trợ mà như một trục chuyên môn hóa của chương trình đào tạo. Chương trình hiện được triển khai theo hai hình thức:

- Chương trình tiêu chuẩn (từ 2007);
- Chương trình chất lượng cao (từ 2020), chuyên ngành phụ Thương mại quốc tế, hợp tác với Trường Đại học Université Polytechnique des Hauts-de-France của Pháp.

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm học 2025-2026, Nhà trường kết hợp hai chương trình trên thành một chương trình tích hợp (Tiếng Pháp thương mại, Ngành chính: Ngôn ngữ Pháp, Ngành phụ: Kinh doanh quốc tế) và kế thừa một số điểm mạnh của cả hai chương trình trước đó. Nhìn chung, các học phần TPTM vẫn có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo với những chủ đề cơ bản của kinh tế thương mại.

4.2. Đặc điểm của người học

Số lượng sinh viên theo học chương trình cử nhân TPTM duy trì ổn định qua các khóa, dao động từ 75 đến gần 95 sinh viên mỗi năm, cho thấy chương trình duy trì được sức hút tương đối tốt (Bảng 2).

Bảng 2

Số lượng sinh viên theo chương trình cử nhân

Khóa	Chương trình tiêu chuẩn	Chương trình chất lượng cao	Tổng cộng
K59 (2020-2024)	71	11	82
K60 (2021-2025)	68	21	89
K61 (2022-2026)	80	6	86
K62 (2023-2027)	83	11	94
K63 (2024-2028)	60	15	75

Bên cạnh sinh viên chuyên ngành TPTM, Nhà trường còn đào tạo sinh viên Pháp ngữ theo học các ngành Kinh tế đối ngoại và Kinh tế quốc tế. Nhóm này học tiếng Pháp như ngoại ngữ (Français langue étrangère - FLE) trong 7 học kỳ, bao gồm 4 học phần tiếng Pháp chuyên ngành theo chủ đề ở 4 học kì cuối cùng.

Tổng số sinh viên Pháp ngữ ngành Kinh tế trong giai đoạn khảo sát là 101 sinh viên (Bảng 3). Đây là nhóm có nền tảng kiến thức kinh tế tương đối vững và năng lực ngôn ngữ ổn

định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp nội dung chuyên môn vào giảng dạy tiếng Pháp.

Sự tồn tại song song của hai nhóm sinh viên (TPTM và Kinh tế Pháp ngữ) đặt ra yêu cầu ngày càng cao về tính thực tiễn của nội dung giảng dạy và khả năng gắn kết giữa đào tạo ngôn ngữ với tri thức chuyên môn.

Bảng 3

Sinh viên Pháp ngữ ngành Kinh tế

Khóa	Thương mại quốc tế	Kinh tế quốc tế	Tổng cộng
K59 (2020-2024)	31	4	35
K60 (2021-2025)	9	7	16
K61 (2022-2026)	17	11	28
K63 (2024-2028)	–	–	22
Tổng cộng			**101**

4.3. Cơ cấu đội ngũ giảng dạy và khoảng trống hợp tác

Toàn bộ các học phần tiếng Pháp tại ĐHNT hiện do 11 giảng viên tiếng Pháp thuộc Khoa Tiếng Pháp đảm nhiệm. Trong số này, 4 giảng viên tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Pháp; 7 giảng viên tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế nhưng đã chuyển hướng sang giảng dạy tiếng Pháp nhiều năm.

Mặc dù một số giảng viên có nền tảng kinh tế, phần lớn hiện hoạt động chủ yếu với tư cách là giảng viên ngôn ngữ, ít có sự tham gia trực tiếp vào các thực hành nghề nghiệp kinh tế thương mại. Điều này có thể hạn chế mức độ cập nhật và tính thực tiễn của các tình huống diễn ngôn nghề nghiệp được đưa vào lớp học.

Song song với đó, ĐHNT có khoảng 20 giảng viên chuyên ngành kinh tế, marketing, tài chính và luật có khả năng sử dụng tiếng Pháp, nhiều người được đào tạo bằng tiếng Pháp tại Pháp, Bỉ hoặc Canada. Tuy nhiên, sự tham gia của họ vào giảng dạy TPTM hiện còn rất hạn chế. Tính đến thời điểm nghiên cứu, chỉ có một học phần luật được giảng dạy bằng tiếng Pháp bởi một giảng viên chuyên ngành. Trường hợp này bước đầu cho thấy tiềm năng triển khai mô hình tích hợp song ngữ, nhưng chưa hình thành một cơ chế hợp tác mang tính hệ thống.

4.4. Vấn đề nghiên cứu đặt ra từ thực tiễn

Từ góc nhìn lý luận đã trình bày ở phần 2, nếu giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành đặt diễn ngôn nghề nghiệp ở vị trí trung tâm và hướng tới cách tiếp cận hành động, thì sự hợp tác giữa giảng viên ngôn ngữ và giảng viên chuyên ngành là một điều kiện sư phạm quan trọng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay tại ĐHNT, tồn tại một nghịch lý:

- Nguồn lực giảng viên chuyên ngành sử dụng tiếng Pháp tương đối khả quan;
- Chương trình đào tạo có nhiều học phần gắn với nội dung kinh tế cụ thể;
- Nhu cầu của sinh viên ngày càng hướng tới tính thực tiễn và hội nhập nghề nghiệp.

Trong khi đó, cơ chế hợp tác giữa hai nhóm giảng viên vẫn chưa được triển khai một cách có hệ thống. Chính khoảng trống này đã dẫn tới việc thực hiện nghiên cứu khảo sát nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng, nhận diện rào cản và xác định các điều kiện cần thiết cho việc triển khai hợp tác liên ngành trong giảng dạy TPTM tại ĐHNT.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1. Kết quả nghiên cứu

5.1.1. Người tham gia khảo sát

Mẫu khảo sát gồm ba nhóm: giảng viên chuyên ngành (n = 17), giảng viên tiếng Pháp (n = 11) và sinh viên (n = 61). Nhìn chung, hai nhóm giảng viên có nền tảng học thuật và kinh nghiệm nghề nghiệp/giảng dạy ở mức tương đối cao: tất cả giảng viên chuyên ngành đều có học vị thạc sĩ/tiến sĩ và thâm niên giảng dạy đáng kể; giảng viên tiếng Pháp đa số có bằng thạc sĩ và thâm niên giảng dạy từ 10 năm trở lên.

Về nền tảng tiếng Pháp, dữ liệu cho thấy cả hai nhóm giảng viên đều có quá trình học tập/đào tạo bằng tiếng Pháp tương đối vững, thể hiện qua bậc học tiếng Pháp hoặc bằng tiếng Pháp (Biểu đồ 1) và việc thực hiện khóa luận/luận văn/luận án bằng tiếng Pháp (Biểu đồ 2). Đối với giảng viên chuyên ngành, đa số có trên 10 năm sử dụng tiếng Pháp; mức tự đánh giá trình độ ngôn ngữ tập trung ở B1- B2 và C1- C2 (Bảng 4).

Nhóm sinh viên có độ tuổi 20–23, phần lớn đã học tiếng Pháp từ 5 đến 10 năm và đang ở giai đoạn cuối của lộ trình đào tạo 4 năm nên có khả năng đánh giá tương đối đầy đủ về các học phần TPTM, vốn được dạy ở giai đoạn cuối của lộ trình đào tạo.

Bảng 4

Thông tin chung về giảng viên và sinh viên trả lời khảo sát

Phân loại		Giảng viên chuyên ngành (%)	Giảng viên tiếng Pháp (%)	Sinh viên (%)
Giới tính	Nam	23,5	9,1	23,6
	Nữ	76,5	90,9	70,9
	Không nói rõ	0	0	5,5
Tuổi	20-23			100
	Dưới 30	5,9	9,1	
	30-40	35,3	36,4	
	40-50	29,4	54,5	
	Trên 50	29,4	0	
Học hàm, học vị	Thạc sỹ	23,5	81,8	
	Tiến sĩ	47,1	18,2	
	Phó giáo sư	29,4	0	
Thâm niên giảng dạy	Dưới 5 năm	11,8	18,2	
	5-10 năm	11,8	0	
	10-20 năm	41,2	54,5	
	Hơn 20 năm	35,3	27,3	
Thâm niên sử dụng tiếng Pháp	5-10 năm	23,5	0	
	Trên 10 năm	76,5	100	
Trình độ sử dụng tiếng Pháp	C1-C2 (cao cấp)	41,2		
	B1-B2 (trung cấp)	58,8		
Số năm học tiếng Pháp	Dưới 5 năm			21,8
	5-10 năm			65,5
	10-20 năm			12,7

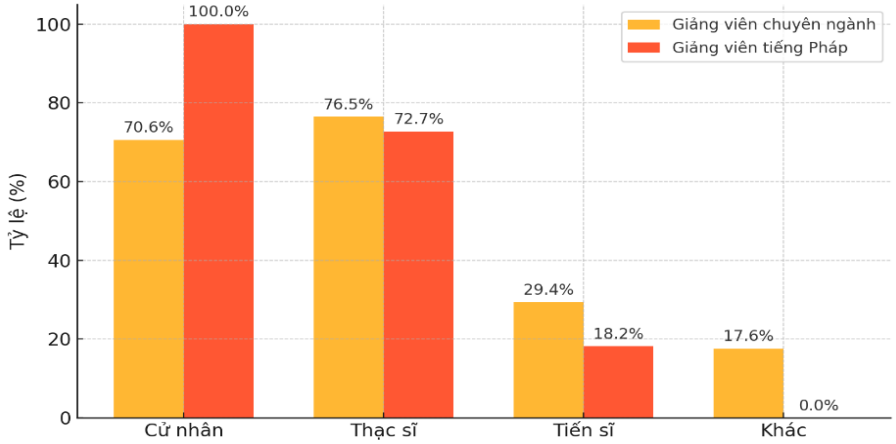
Đối với giảng viên chuyên ngành, trình độ học thuật nhìn chung ở mức cao: 47,1% có bằng tiến sĩ, 29,4% có học hàm phó giáo sư và 23,5% có bằng thạc sĩ.

Về phía giảng viên tiếng Pháp, đa số (81,8%) có bằng thạc sĩ, chỉ có 18,2% có bằng tiến

sĩ. Phần lớn giảng viên tiếng Pháp có thâm niên giảng dạy đáng kể (54,5% đã có từ 10 đến 20 năm kinh nghiệm).

Biểu đồ 1

Bậc học tiếng Pháp hoặc bằng tiếng Pháp của giảng viên

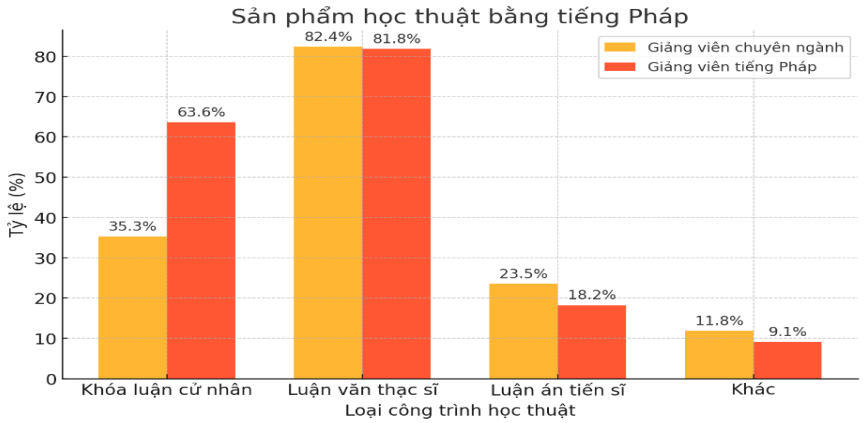


Biểu đồ 1 cho thấy 100% giảng viên tiếng Pháp bắt đầu học tiếng Pháp ngay từ bậc đại học, trong khi tỷ lệ này ở giảng viên chuyên ngành là 70,6%. Ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ, tỷ lệ ở cả hai nhóm đều cao, với giảng viên chuyên ngành có phần nhỉnh hơn ở trình độ tiến sĩ (29,4% so với 18,2%). Điều này cho thấy cả hai nhóm đều có nền tảng tiếng Pháp vững chắc, mặc dù ở giảng viên tiếng Pháp, việc học tiếng Pháp bắt đầu sớm hơn và đồng đều hơn.

Dữ liệu cũng cho thấy Pháp là quốc gia được nhắc đến nhiều nhất trong quá trình học tập hoặc đào tạo tiếng Pháp, cả ở giảng viên chuyên ngành (76,5%) và giảng viên tiếng Pháp (63,6%). Việt Nam đứng ở vị trí thứ hai, phản ánh sự đa dạng và khả năng cung cấp đào tạo tiếng Pháp ngay trong nước. Bỉ và Canada chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ.

Biểu đồ 2

Tỷ lệ làm khóa luận, luận văn, luận án bằng tiếng Pháp của giảng viên



5.1.2. Năng lực và mức độ sẵn sàng của giảng viên chuyên ngành

Kết quả khảo sát cho thấy một sự đồng thuận tương đối cao về tiềm năng của giảng viên chuyên ngành trong việc tham gia giảng dạy các nội dung chuyên môn bằng tiếng Pháp (Biểu đồ 3). Giảng viên chuyên ngành thể hiện mức độ tự tin tương đối cao: 64,7% cho rằng "hoàn toàn có khả năng giảng dạy" và 17,6% cho rằng "có thể giảng dạy nếu có thời gian chuẩn bị";

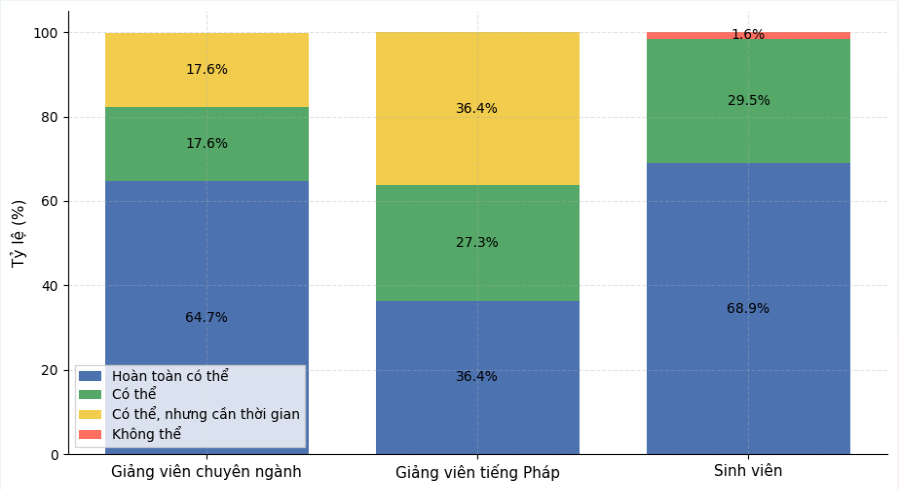
không có ý kiến phủ nhận hoàn toàn khả năng đảm nhiệm giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành.

So sánh giữa các nhóm, giảng viên tiếng Pháp có xu hướng thận trọng hơn: 36,4% đánh giá đồng nghiệp chuyên ngành "hoàn toàn đủ khả năng", trong khi 36,4% cho rằng cần thời gian củng cố ngôn ngữ trước khi tham gia. Ngược lại, sinh viên đánh giá tích cực khả năng giảng dạy các học phần TPTM của giảng viên chuyên ngành: 68,9% cho rằng giảng viên chuyên ngành "hoàn toàn có thể" giảng dạy, 29,5% cho rằng "có thể nhưng với điều kiện nhất định".

Về mức độ sẵn sàng tham gia, giảng viên chuyên ngành có thái độ rất tích cực: 47,1% "hoàn toàn sẵn sàng" và 52,9% "sẵn sàng nếu có thời gian chuẩn bị", không có ý kiến "không sẵn sàng". Trong khi đó, giảng viên tiếng Pháp đánh giá mức sẵn sàng của nhóm chuyên ngành dè dặt hơn, cho thấy sự khác biệt về kỳ vọng và/hoặc quan niệm về yêu cầu ngôn ngữ - sư phạm trong giảng dạy bằng tiếng Pháp.

Biểu đồ 3

Đánh giá về năng lực giảng dạy bằng tiếng Pháp của giảng viên chuyên ngành



Các kết quả này cho thấy đội ngũ giảng viên chuyên ngành sử dụng tiếng Pháp là nguồn lực có nhiều triển vọng tham gia giảng dạy TPTM. Tuy nhiên, việc triển khai mô hình hợp tác vẫn đòi hỏi cần làm rõ về kỳ vọng giữa các bên cũng như cơ chế hỗ trợ phù hợp, đặc biệt về việc chuẩn bị ngôn ngữ và phối hợp sư phạm.

5.1.3. Các nội dung có thể giảng dạy bằng tiếng Pháp và kỳ vọng của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy các nhóm có những đánh giá vừa khác biệt vừa có tính bổ sung lẫn nhau về các nội dung có thể triển khai giảng dạy bằng tiếng Pháp (Biểu đồ 4).

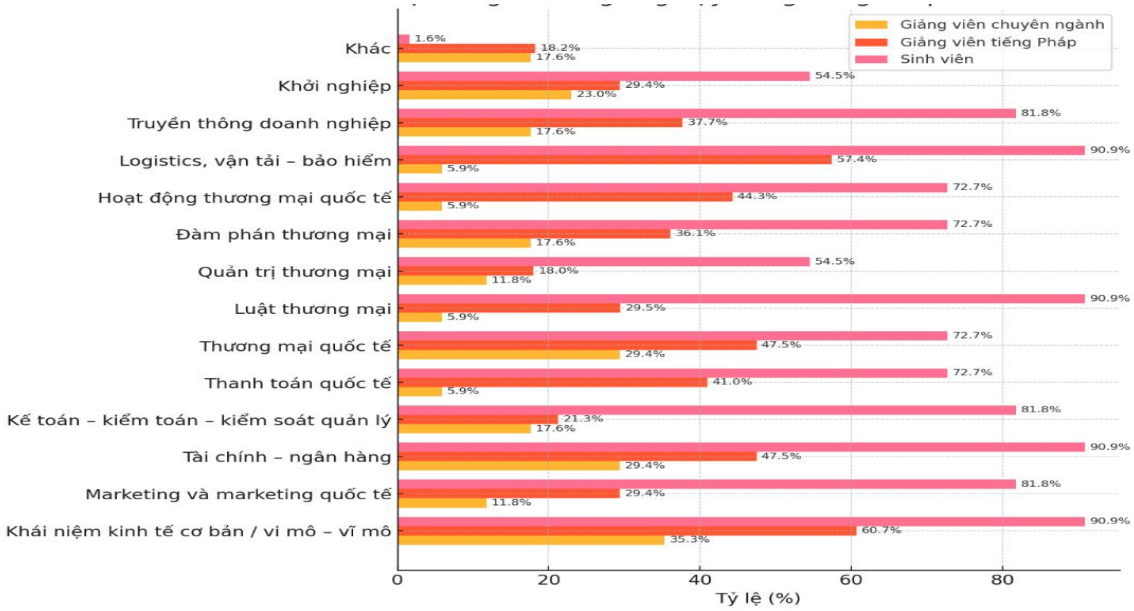
(1) Khoảng cách giữa tự đánh giá của giảng viên chuyên ngành và nhận định của giảng viên tiếng Pháp: Giảng viên chuyên ngành tương đối thận trọng: 35,3% cho rằng có thể giảng dạy bằng tiếng Pháp các khái niệm kinh tế cơ bản; 29,4% đối với tài chính và thương mại quốc tế; và dưới 18% đối với nhiều lĩnh vực khác. Trong khi đó, giảng viên tiếng Pháp thể hiện mức tin tưởng cao hơn, với trên 80% ý kiến cho rằng giảng viên chuyên ngành có thể tham gia giảng dạy nhiều chủ đề như: kinh tế cơ bản, tài chính, luật thương mại hoặc logistics. Sự chênh lệch này gợi ý rằng việc triển khai hợp tác cần đi kèm với cơ chế trao đổi rõ ràng về phạm vi nội dung, mức độ chuyên sâu và mức độ yêu cầu ngôn ngữ.

(2) Kỳ vọng từ phía sinh viên: Sinh viên thể hiện nhu cầu tương đối cao đối với các học phần chuyên ngành bằng tiếng Pháp, tập trung ở các lĩnh vực như: marketing (59%), kinh tế (60,7%), logistics (57,4%) và tài chính (47,5%). Một số lĩnh vực kỹ thuật hơn như kế toán

(21,3%) hoặc quản trị kinh doanh (18%) ít được lựa chọn hơn, cho thấy nhu cầu ưu tiên của người học tập trung vào những học phần gắn với giao tiếp nghề nghiệp và tình huống thương mại cụ thể.

Biểu đồ 4

Nội dung có thể giảng dạy bằng tiếng Pháp theo đánh giá của ba nhóm



Như vậy, dù có khác biệt trong mức độ tự tin và đánh giá, các kết quả bước đầu gợi mở một số học phần có thể ưu tiên trong các hoạt động phối hợp thí điểm, đặc biệt là: kinh tế cơ bản, marketing, logistics, tài chính và các nội dung liên quan đến thương mại/quy trình giao tiếp doanh nghiệp.

5.1.4. Các rào cản chính đối với triển khai hợp tác

Dữ liệu khảo sát cho thấy hai nhóm giảng viên tương đối đồng thuận về các khó khăn nổi bật (Biểu đồ 5), có thể quy về hai nhóm rào cản chính.

(1) Rào cản cơ cấu - tổ chức: Vấn đề được nhắc đến nhiều nhất là giảng viên chuyên ngành thiếu thời gian để có thể tham gia giảng dạy các học phần TPTM (theo đánh giá của 76,5% giảng viên chuyên ngành; 90,9% giảng viên tiếng Pháp), phản ánh khối lượng công việc lớn nếu phải chuẩn bị bài giảng bằng tiếng Pháp. Một rào cản đáng chú ý khác là thiếu thông tin/chia sẻ về chương trình: 52,9% giảng viên chuyên ngành cho biết họ không nắm rõ chương trình và nội dung các học phần TPTM. Ngoài ra, 58,8% giảng viên chuyên ngành cho biết chưa từng được Khoa Tiếng Pháp mời tham gia giảng dạy. Điều này cho thấy cần có một cơ chế hợp tác chủ động hơn.

Một giảng viên chuyên ngành chia sẻ: *"Cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các thầy cô ở khoa/viện chuyên môn với các thầy cô Khoa Tiếng Pháp để mang đến các kiến thức chuyên môn sâu bằng tiếng Pháp cho các em sinh viên"*.

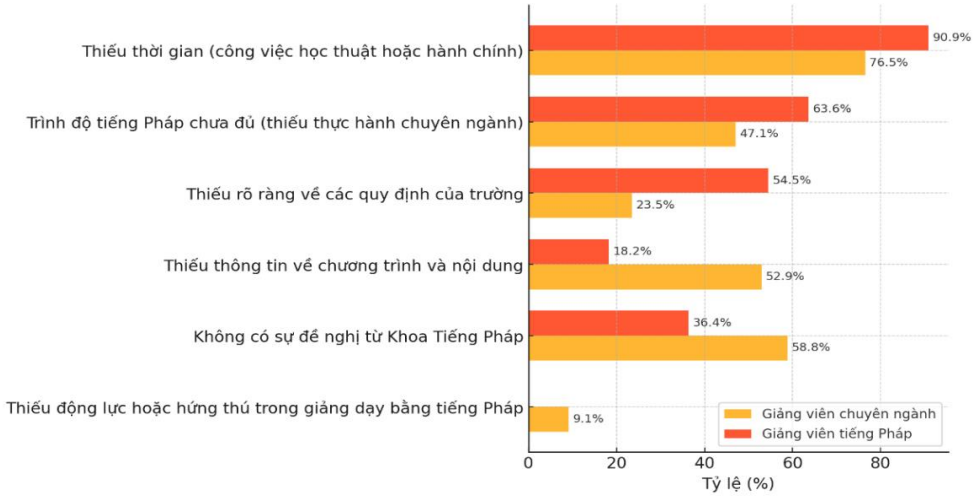
Bên cạnh đó, mối quan tâm về quy định/cơ chế tham gia (định mức giờ giảng, thù lao, phân công) được giảng viên tiếng Pháp đề cập nhiều hơn (54,5% so với 23,5%). Một giảng viên chuyên ngành cho biết: *"Cần một cơ chế rõ ràng về cách tính giờ giảng và thanh toán"*.

(2) Rào cản ngôn ngữ - sư phạm: Một tỷ lệ đáng kể cho rằng giảng viên chuyên ngành

chưa thực sự tự tin khi sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp chuyên môn (47,1% giảng viên chuyên ngành; 63,6% giảng viên tiếng Pháp), cho thấy nhu cầu bồi dưỡng tập trung và/hoặc hỗ trợ ngôn ngữ khi triển khai giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Pháp.

Biểu đồ 5

Đánh giá khó khăn của giảng viên chuyên ngành đối với giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Pháp



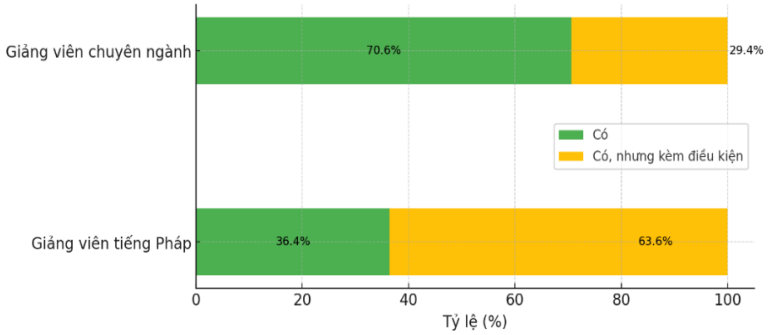
Tóm lại, các trở ngại chủ yếu liên quan đến thời gian, cơ chế phối hợp, chia sẻ về chương trình và hỗ trợ ngôn ngữ; trong khi đó, thiếu động lực không phải là rào cản đáng kể. Điều này cho thấy khả năng triển khai hợp tác gắn chặt với các điều kiện tổ chức, cơ chế điều phối và hỗ trợ ngôn ngữ phù hợp.

5.1.5. Điều kiện để giảng viên chuyên ngành tham gia giảng dạy TPTM

Kết quả khảo sát (Biểu đồ 6) cho thấy cả hai nhóm giảng viên đều không phản đối việc giảng viên chuyên ngành tham gia giảng dạy TPTM, song mức độ đồng thuận "vô điều kiện" và "có điều kiện" khác nhau. Giảng viên chuyên ngành thể hiện mức sẵn sàng cao hơn (70,6% cho biết sẵn sàng tham gia; 29,4% cho rằng sẽ tham gia với một số điều kiện), trong khi giảng viên tiếng Pháp thận trọng hơn (1/3 số giảng viên tiếng Pháp ủng hộ việc giảng viên chuyên ngành tham gia giảng dạy mà không kèm điều kiện, phần còn lại ủng hộ kèm điều kiện).

Biểu đồ 6

Đánh giá về khả năng giảng viên chuyên ngành tham gia giảng dạy TPTM



Dữ liệu định lượng kết hợp với các ý kiến mở cho thấy bốn nhóm điều kiện chính để giảng viên chuyên ngành tham gia giảng dạy các học phần TPTM: (i) thời gian chuẩn bị và cơ chế phân bổ giờ giảng hợp lý; (ii) thống nhất vai trò và phân công nhiệm vụ giữa hai nhóm; (iii)

hỗ trợ về ngôn ngữ/thuật ngữ và phương pháp giảng dạy bằng tiếng Pháp; (iv) cơ chế phối hợp và chia sẻ về chương trình/học liệu.

Các kết quả này gợi ý rằng trở ngại chính đối với mô hình hợp tác không nằm ở động lực tham gia của giảng viên chuyên ngành, mà chủ yếu liên quan đến các điều kiện tổ chức và cơ chế hỗ trợ cần thiết cho việc triển khai hợp tác.

5.1.6. Nguyện vọng của sinh viên

Sinh viên thể hiện mức độ quan tâm tương đối cao đến việc giảng viên chuyên ngành tham gia giảng dạy các học phần TPTM. Về lợi điểm, đa số sinh viên cho rằng mô hình này giúp đồng thời tăng cường kiến thức chuyên môn và năng lực tiếng Pháp, qua đó nâng cao hiệu quả học tập (75,4%); 59% đánh giá cao việc được tiếp cận kiến thức chuyên ngành sâu và cập nhật; trên 55% cho rằng giảng viên chuyên ngành có đủ năng lực ngôn ngữ và sư phạm để đảm nhiệm giảng dạy bằng tiếng Pháp.

Tuy nhiên, sinh viên cũng bày tỏ một số lo ngại: nội dung có thể nặng về chuyên môn và ít chú trọng phát triển năng lực giao tiếp tiếng Pháp (57,4%); giảng viên chuyên ngành có thể gặp khó khăn khi giải thích các khái niệm về mặt ngôn ngữ (42,6%); khối lượng công việc và hạn chế về thời gian có thể ảnh hưởng khả năng tham gia giảng dạy (31,1%).

Như vậy, nguyện vọng của sinh viên vừa thể hiện nhu cầu cao về tính xác thực và tính thực tiễn của kiến thức chuyên ngành, vừa đặt ra yêu cầu cân bằng giữa hàm lượng kiến thức và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ. Một sinh viên chia sẻ: *"Cần cân bằng được giữa khối lượng kiến thức chuyên môn và kỹ năng ngôn ngữ để giữa giảng viên và sinh viên có thể đạt được hiệu quả trong việc giảng dạy cũng như tiếp thu kiến thức của sinh viên."*

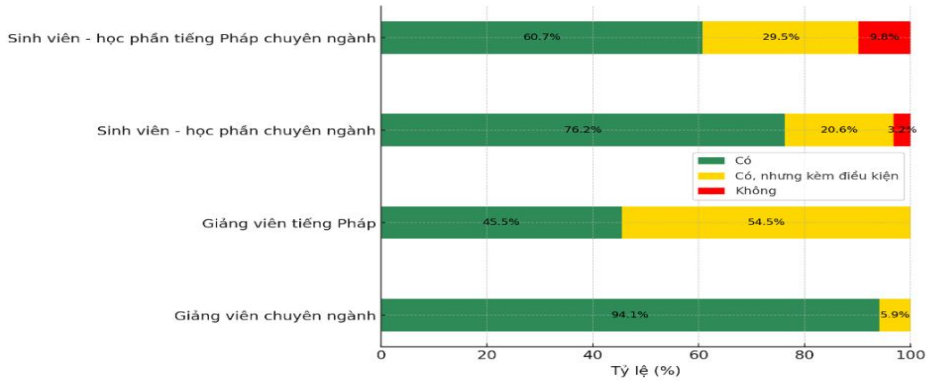
Những kết quả này góp phần định hướng việc lựa chọn mô hình hợp tác sư phạm phù hợp nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu chuyên môn và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ.

5.1.7. Nhận thức về mức độ cần thiết và điều kiện triển khai hợp tác sư phạm

Kết quả khảo sát cho thấy cả ba nhóm đều ủng hộ hợp tác sư phạm trong giảng dạy TPTM (Biểu đồ 7). Trong đó, 94,1% giảng viên chuyên ngành đánh giá hợp tác là cần thiết. Giảng viên tiếng Pháp thận trọng hơn, với 54,5% ủng hộ kèm điều kiện về phân công nhiệm vụ, điều phối và hỗ trợ ngôn ngữ. Sinh viên cũng đánh giá tích cực mô hình hợp tác nhưng lưu ý yêu cầu cân bằng giữa nội dung chuyên môn và mục tiêu ngôn ngữ.

Biểu đồ 7

Đánh giá sự cần thiết hợp tác giữa giảng viên chuyên ngành và giảng viên tiếng Pháp



Như vậy, hợp tác liên ngành được cả ba nhóm nhìn nhận như một hướng tiếp cận cần thiết và có nhiều triển vọng trong giảng dạy TPTM; khác biệt chủ yếu nằm ở các điều kiện triển

khai như: phân chia vai trò, cơ chế điều phối và hỗ trợ ngôn ngữ. Những kết quả này góp phần định hướng việc đề xuất mô hình hợp tác sư phạm phù hợp.

5.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy hợp tác giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành nhận được đánh giá tích cực từ cả ba nhóm khảo sát, đặc biệt là sinh viên và giảng viên chuyên ngành. Phát hiện này tương đồng với các nghiên cứu về đồng giảng trong lĩnh vực ESP và CLIL, nhấn mạnh vai trò của việc tích hợp nội dung chuyên môn với đào tạo ngôn ngữ nhằm tăng tính xác thực của hoạt động học tập (Coyle và cộng sự, 2010; Airey, 2020). Kết quả cũng phù hợp với quan điểm của Dudley-Evans và St John (1998) về sự cần thiết của hỗ trợ chuyên môn đối với giảng viên ngoại ngữ chuyên ngành.

Khác với các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào môi trường EMI bằng tiếng Anh, khảo sát tại ĐHNT cho thấy rào cản chính không nằm ở động lực tham gia mà ở thời gian, cơ chế điều phối liên khoa và hỗ trợ ngôn ngữ. Trong bối cảnh này, hợp tác sư phạm không chỉ bổ sung kiến thức chuyên môn mà còn tạo điều kiện triển khai cách tiếp cận hành động thông qua các nhiệm vụ gắn với tình huống nghề nghiệp thực tiễn.

Nghiên cứu góp phần bổ sung dữ liệu về điều kiện triển khai hợp tác sư phạm trong đào tạo tiếng Pháp chuyên ngành tại Việt Nam. Tuy nhiên, do mới dừng ở khảo sát thăm dò, kết quả chủ yếu phản ánh triển vọng và điều kiện triển khai, chưa cho phép đánh giá hiệu quả thực nghiệm của mô hình. Đây là cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo về thiết kế và thử nghiệm các hình thức đồng giảng.

5.3. Một số định hướng triển khai mô hình hợp tác sư phạm

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động hợp tác giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành nhận được mức độ quan tâm tương đối tích cực từ các nhóm tham gia khảo sát. Tuy nhiên, việc triển khai mô hình này còn phụ thuộc vào các điều kiện tổ chức, cơ chế phối hợp và hỗ trợ ngôn ngữ phù hợp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu bước đầu gợi mở một số định hướng triển khai sau đây.

5.3.1. Tăng cường cơ chế phối hợp và chia sẻ giữa các khoa

Kết quả khảo sát cho thấy nhiều giảng viên chuyên ngành chưa có thông tin về nội dung các học phần TPTM và chưa từng tham gia hoạt động phối hợp giảng dạy với Khoa Tiếng Pháp. Điều này cho thấy nhu cầu tăng cường chia sẻ thông tin và hợp tác sư phạm trong xây dựng chương trình đào tạo. Trong giai đoạn đầu, có thể xem xét thiết lập các hình thức trao đổi định kỳ giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành nhằm chia sẻ nội dung học phần, nhu cầu chuyên môn và định hướng triển khai giảng dạy bằng tiếng Pháp.

5.3.2. Hỗ trợ năng lực ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy

Mặc dù phần lớn giảng viên chuyên ngành có nền tảng tiếng Pháp tương đối tốt, một số người tham gia khảo sát vẫn cho rằng cần có thêm thời gian chuẩn bị và hỗ trợ về mặt ngôn ngữ khi giảng dạy bằng tiếng Pháp. Do đó, có thể triển khai một số hoạt động hỗ trợ như: trao đổi học thuật bằng tiếng Pháp, chia sẻ tài liệu chuyên ngành hoặc tập huấn ngắn hạn về phương pháp giảng dạy trong môi trường ngoại ngữ chuyên ngành.

5.3.3. Đồng xây dựng nội dung học phần dựa trên nhu cầu người học

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên mong muốn được tiếp cận các nội dung chuyên ngành có tính thực tiễn cao, đồng thời vẫn bảo đảm mục tiêu phát triển năng lực tiếng Pháp. Vì

vậy, việc xây dựng học phần có thể được thực hiện theo hướng phối hợp giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành nhằm lựa chọn các chủ đề phù hợp, xây dựng tình huống nghề nghiệp thực tế và cân bằng giữa nội dung chuyên môn với hỗ trợ ngôn ngữ.

5.3.4. Triển khai thí điểm và đánh giá từng bước

Do nghiên cứu hiện mới dừng ở khảo sát nhận thức và mức độ sẵn sàng của người tham gia, việc triển khai hợp tác nên được thực hiện theo hướng từng bước ở một số học phần phù hợp. Việc thí điểm có thể đi kèm với hoạt động thu thập phản hồi từ giảng viên và sinh viên nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp phối hợp và cơ chế hỗ trợ. Đây cũng có thể là cơ sở cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo về mô hình hợp tác trong giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành tại ĐHNT.

6. Kết luận

Nghiên cứu này nhằm phân tích triển vọng và điều kiện triển khai mô hình hợp tác sư phạm giữa giảng viên tiếng Pháp và giảng viên chuyên ngành trong giảng dạy TPTM tại ĐHNT. Trên cơ sở ba nhóm dữ liệu khảo sát, nghiên cứu đã trả lời ba câu hỏi được đặt ra.

- Thứ nhất, ĐHNT có đội ngũ giảng viên chuyên ngành có khả năng sử dụng tiếng Pháp và tương đối sẵn sàng tham gia giảng dạy TPTM, với điều kiện được hỗ trợ về ngôn ngữ, phương pháp sư phạm và cơ chế phối hợp.

- Thứ hai, các lĩnh vực kinh tế cơ bản, marketing, logistics, tài chính và giao tiếp thương mại có thể được ưu tiên triển khai hợp tác thông qua chia sẻ học liệu, đồng xây dựng nội dung, tổ chức chuyên đề hoặc thí điểm đồng giảng.

- Thứ ba, những rào cản chủ yếu liên quan đến thời gian, cơ chế điều phối, phân công và ghi nhận giờ giảng, cũng như nhu cầu hỗ trợ ngôn ngữ. Do đó, hợp tác cần được triển khai từng bước, với cơ chế rõ ràng và phù hợp điều kiện thực tế.

Do nghiên cứu mới dừng ở khảo sát thăm dò, kết quả chưa phản ánh hiệu quả thực nghiệm của mô hình. Các nghiên cứu tiếp theo có thể thiết kế, triển khai và đánh giá các hình thức đồng giảng nhằm xác định tác động đối với kết quả học tập và năng lực nghề nghiệp của sinh viên.

Tuyên bố về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Tác giả có sử dụng ChatGPT (OpenAI) để hỗ trợ rà soát ngôn ngữ, chỉnh sửa cách diễn đạt học thuật và kiểm tra, chuẩn hóa trích dẫn, tài liệu tham khảo trong quá trình hoàn thiện bản thảo. Công cụ AI không được sử dụng để tạo ra dữ liệu hoặc kết quả nghiên cứu. Tác giả đã kiểm chứng các nội dung được hỗ trợ và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, tính trung thực khoa học và toàn bộ nội dung nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

Airey, J. (2020). The content lecturer and English-medium instruction (EMI): Epilogue to the special issue on EMI in higher education. *International Journal of Bilingual Education and Bilingualism, 23*(3), 340–346. https://doi.org/10.1080/13670050.2020.1732290

Bourguignon, C. (2009). L'apprentissage des langues par l'action [Language learning through action]. In M.-L. Lions-Olivieri & P. Liria (Eds.), *L'approche actionnelle dans l'enseignement des langues: Onze articles pour mieux comprendre et faire le point* [The action-oriented approach in language teaching: Eleven articles for a better understanding and overview] (pp. 49–77). Difusión. https://books.google.com/books?vid=ISBN9788484435457

Cabré, M. T. (1998). *La terminologie : Théorie, méthode et applications* [Terminology: Theory, method, and applications] (M. C. Cormier & J. Humbley, Trans. & Adapt.). Armand Colin & Presses de l'Université d'Ottawa. https://search.worldcat.org/title/708355307

Carras, C., Tolas, J., Kohler, P., Szilagyi, E., & Abry, D. (Dir.) (2007). *Le français sur objectifs spécifiques et la classe de langue* [French for specific purposes and the language classroom]. CLE International. https://search.worldcat.org/title/1493037623

Coyle, D., Hood, P., & Marsh, D. (2010). *CLIL: Content and language integrated learning*. Cambridge University Press. https://doi.org/10.1017/9781009024549

Do, T. T. G. (2024). Đánh giá việc dạy và học tiếng Pháp tại Trường Đại học Ngoại thương theo quan điểm của đường hướng hành động [Evaluation of teaching and learning French at Foreign Trade University from the perspective of the action-oriented approach]. *VNU Journal of Foreign Studies*, *40*(5), 86–105. https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5218

Dudley-Evans, T., & St John, M. J. (1998). *Developments in English for specific purposes: A multi-disciplinary approach.* Cambridge University Press. https://shop.cambridge.org/english/product/2700057619

Kocourek, R. (1991). *La langue française de la technique et de la science : Vers une linguistique de la langue savante* [The French language of technology and science: Toward a linguistics of scholarly language]. Brandstetter. https://tind.wipo.int/record/12475

Lerat, P. (1995). *Les langues spécialisées* [Specialized languages]. Presses Universitaires de France. https://catalogue.bnf.fr/ark:/12148/cb37460722h

Malmström, H., & Zhou, S. (2026). Language–subject teacher collaboration in English-medium higher education: Current practices and future possibilities. *RELC Journal*, *57*(2), 491–499. https://doi.org/10.1177/00336882241313234

Mangiante, J.-M., & Parpette, C. (2004). *Le français sur objectif spécifique : De l'analyse des besoins à l'élaboration d'un cours* [French for specific purposes: From needs analysis to course design]. Hachette FLE. https://www.hachettefle.com/livre/collection-f-le-francais-sur-objectif-specifique-9782011553829/

Moirand, S., & Tréguer-Felten, G. (2007). Des mots de la langue aux discours spécialisés, des acteurs sociaux à la part culturelle du langage : Raisons et conséquences de ces déplacements [From words in language to specialized discourses, from social actors to the cultural dimension of language: Reasons and consequences of these shifts]. *ASp*, (51–52), 7–33. https://doi.org/10.4000/asp.465

Mourlhon-Dallies, F. (2008). *Enseigner une langue à des fins professionnelles* [Teaching a language for professional purposes]. Didier. https://stm.cairn.info/numero/DIDIE_MOURL_2008_01?lang=en

Nguyen, Q. T. (2018). Đường hướng hành động: Một đường hướng lý thuyết mới hay đường hướng giao tiếp phát triển nâng cao? [The action-oriented approach: A new approach or an advanced communicative approach?]. *VNU Journal of Foreign Studies*, *34*(1), 202–212. https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4238

PHỤ LỤC

